

Đơn vị: Sở Tài chính
Chương: 418

Mẫu biểu số 75

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
09 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Tài chính công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 09 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý (9 tháng/năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	67,102	27,884	42%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	67,102	27,884	42%	
1	Chi quản lý hành chính	53,067	22,792	43%	
	Văn phòng Sở Tài chính	53,067	22,792	43%	
-	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	24,771	17,054	69%	
-	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	28,296	5,738	20%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý (9 tháng/năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1,074	242	23%	
3.1	Văn phòng Sở Tài chính	54	4	7%	
-	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	54	4	7%	
3.2	Trung tâm Dịch vụ tài chính công HT	1,020	238	23%	
-	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1,020	238	23%	
4	Chi hoạt động kinh tế	12,961	4,850	37%	
3.1	Văn phòng Sở Tài chính	7,928	1,166	15%	
-	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
-	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7,928	1,166	15%	
3.2	Trung tâm Dịch vụ tài chính công HT	5,033	3,684	73%	
-	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2,696	2,071	77%	
-	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2,337	1,613	69%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý (9 tháng/năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
----------	----------	----------------	-----------------------------	--	--